



bān yùn

搬运

verb · to carry; to transport

Example Sentences

tā bāng máng bān yùn xiāng zi
他帮忙搬运箱子。

He helped carry the boxes.

bān yùn huò wù shí yào zhù yì ān quán
搬运货物时要注意安全。

Pay attention to safety when transporting goods.

gōng rén zhèng zài bān yùn jiā jù dào xīn jiā
工人正在搬运家具到新家。

The workers are moving furniture to the new house.

Trace each character, then write the word on your own.

搬	搬	搬	搬	搬	搬	搬	搬	搬	搬	搬
搬	搬	搬	搬	搬						
运	运	运	运	运	运	运	运	运	运	运